

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ TẠI ASEAN SECURITIES

(Áp dụng từ ngày 18/08/2026)

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
1	AAA	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HOSE	20	20	7,200
2	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HOSE	10	10	56,844
3	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	HOSE	50	50	25,000
4	ACC	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	10	10	12,500
5	ACG	Công ty cổ phần Gỗ An Cường	HOSE	50	50	29,240
6	ACL	CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	HOSE	10	10	12,900
7	ADP	Công ty cổ phần Sơn Á Đông	HOSE	10	10	11,497
8	ADS	Công ty cổ phần Damsan	HOSE	20	20	8,620
9	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	10	10	12,900
10	AGR	Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank	HOSE	30	30	14,350
11	ANV	Công ty CP Nam Việt	HOSE	30	30	23,450
12	ASM	Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HOSE	20	20	5,700
13	AST	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HOSE	10	10	15,263
14	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	HNX	20	20	11,000
15	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	HOSE	0	30	35,000
16	BCF	Công ty cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	10	10	11,666
17	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	HOSE	40	40	53,600
18	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	HOSE	40	40	29,657
19	BHN	Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Hà Nội	HOSE	40	40	23,292
20	BIC	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	50	16,749
21	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	50	42,000
22	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	10	10	13,650
23	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	HOSE	50	50	126,900
24	BRC	Công ty cổ phần Cao su Bến Thành	HOSE	10	10	12,050
25	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	40	40	34,000
26	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HOSE	40	40	20,000
27	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HOSE	10	10	8,540
28	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt	HOSE	50	50	72,558
29	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	50	28,000
30	BWE	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	HOSE	50	50	42,750
31	C69	Công ty cổ phần Xây dựng 1369	HNX	20	20	14,446
32	CAP	CTCP Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	HNX	10	10	12,823
33	CCI	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi	HOSE	10	10	16,538
34	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	10	10	11,964
35	CDC	CTCP Chương Dương	HOSE	20	20	18,294
36	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	40	40	20,759
37	CEO	Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	30	30	11,343
38	CHP	Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung	HOSE	40	40	13,382
39	CIA	Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	HNX	10	10	9,600
40	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp HCM	HOSE	30	30	20,000
41	CLC	Công ty CP Cát Lợi	HOSE	10	10	36,747
42	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	10	10	16,937
43	CLL	Công ty cổ phần Cảng Cát Lái	HOSE	10	10	18,500
44	CLM	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	HNX	10	10	72,694
45	CLW	Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	HOSE	10	10	20,375
46	CMG	Công ty cổ phần tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	50	50	29,050
47	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	HOSE	50	50	18,148
48	CRC	Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	HOSE	30	30	9,700
49	CSC	Công ty cổ phần Tập đoàn COTANA	HNX	10	10	14,900
50	CSM	CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam	HOSE	30	30	12,400

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
51	CSV	Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	30	30	14,671
52	CTB	CTCP Chế tạo bom Hải Dương	HNX	10	10	15,298
53	CTD	Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE	40	40	84,000
54	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	HOSE	50	50	36,000
55	CTI	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	30	30	22,800
56	CTR	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	HOSE	40	40	86,000
57	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	HOSE	40	40	30,000
58	D2D	CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	20	20	23,861
59	DAT	Công ty cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	10	10	8,400
60	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	HOSE	30	30	24,000
61	DBD	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	HOSE	40	40	18,335
62	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre	HOSE	10	10	10,900
63	DC4	Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings	HOSE	20	20	9,150
64	DCM	Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	HOSE	50	50	45,499
65	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	HOSE	50	50	45,800
66	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HOSE	10	10	33,183
67	DHC	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	HOSE	50	50	34,850
68	DHG	Công ty Cổ phần dược Hậu Giang	HOSE	50	50	31,989
69	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	10	10	12,268
70	DIG	Tổng Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng	HOSE	30	30	14,200
71	DL1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	HNX	30	30	5,500
72	DMC	Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	HOSE	40	40	48,603
73	DNC	Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng	HNX	10	10	16,022
74	DNP	Công ty cổ phần DNP Holding	HNX	10	10	21,000
75	DP3	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	HNX	10	10	28,276
76	DPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	30	30	40,350
77	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	HOSE	50	50	30,850
78	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HOSE	40	40	40,550
79	DRC	Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	HOSE	30	30	13,500
80	DRL	Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	HOSE	10	10	11,710
81	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	HOSE	10	10	12,354
82	DSE	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	HOSE	20	20	12,800
83	DSN	CTCP Công viên nước Đầm Sen	HOSE	10	10	29,411
84	DTD	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	20	20	16,400
85	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	HNX	10	10	11,100
86	DVM	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	20	20	6,800
87	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	40	40	50,000
88	DXG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	30	30	16,000
89	DXP	CTCP Cảng Đoạn Xá	HNX	20	20	13,400
90	DXS	Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HOSE	20	20	8,000
91	EBS	CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	HNX	10	10	11,100
92	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	50	24,000
93	EID	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	10	10	22,900
94	ELC	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn Thông	HOSE	20	20	14,964
95	EVE	Công ty cổ phần Everpia	HOSE	10	10	10,400
96	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	HOSE	20	20	14,500
97	EVG	Công ty cổ phần Tập đoàn Everland	HOSE	10	10	6,400
98	FCN	Công ty cổ phần FECON	HOSE	20	20	12,950
99	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	HOSE	30	30	5,300
100	FMC	Công ty CP thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	50	38,400
101	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HOSE	50	50	80,000
102	FRT	Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT	HOSE	20	20	30,176
103	FTS	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT	HOSE	50	50	25,050
104	GAS	Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần	HOSE	50	50	80,800
105	GEE	Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	HOSE	20	20	100,000
106	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	HOSE	30	30	16,900
107	GEL	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX	HOSE	30	30	35,000

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
108	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	HOSE	30	30	40,000
109	GIC	Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	HNX	10	10	10,200
110	GMD	Công ty cổ phần Gemadept	HOSE	50	50	75,217
111	GMX	Công ty cổ phần Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	HNX	10	10	12,608
112	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HOSE	20	20	11,400
113	GTA	Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	HOSE	10	30	8,600
114	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần	HOSE	50	50	33,100
115	HAG	công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	20	20	16,400
116	HAH	Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	50	56,000
117	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	10	10	10,650
118	HCD	Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HOSE	10	10	7,920
119	HCM	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50	27,000
120	HDB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50	27,000
121	HDC	Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HOSE	30	30	19,050
122	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	50	29,300
123	HGM	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	10	10	37,755
124	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	HOSE	20	20	13,129
125	HHS	Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy	HOSE	50	50	15,055
126	HHV	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	HOSE	40	40	13,000
127	HJS	Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	10	10	15,025
128	HMC	Công ty cổ phần Kim Khí TP.Hồ Chí Minh – Vnsteel	HOSE	10	10	11,550
129	HHM	Công ty cổ phần Hải Minh	HNX	10	10	17,200
130	HNA	Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	HOSE	40	40	14,000
131	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa phát	HOSE	50	50	28,000
132	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HOSE	10	10	20,833
133	HSG	công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen	HOSE	40	40	16,000
134	HT1	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	HOSE	30	30	15,100
135	HTC	CTCP Thương mại Hóc Môn	HNX	10	10	18,141
136	HTG	Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HOSE	10	10	30,901
137	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HOSE	10	10	24,300
138	HTL	CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HOSE	10	10	14,077
139	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HOSE	10	10	10,900
140	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	10	10	14,200
141	HUT	CTCP Tasco	HNX	30	30	17,100
142	HVH	Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	HOSE	20	20	11,950
143	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	HNX	10	10	20,710
144	ICT	Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện	HOSE	10	10	17,800
145	IDC	Tổng công ty IDICO - CTCP	HNX	50	50	48,800
146	IDI	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	HOSE	30	30	7,000
147	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	HNX	10	10	22,411
148	IJC	Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật	HOSE	50	50	12,000
149	ILB	Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	HOSE	10	10	21,550
150	IMP	Công ty CP Dược phẩm IMEXPHARM	HOSE	50	50	14,977
151	INN	Công ty cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	10	10	31,176
152	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	10	10	15,700
153	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	HOSE	20	20	11,950
154	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	HOSE	30	30	35,000
155	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	HOSE	30	30	49,000
156	KDH	CTCP Đầu tư và kinh doanh nhà Khang Điền	HOSE	40	40	26,200
157	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	HOSE	20	20	5,490
158	KHS	Công ty cổ phần Kiên Hùng	HNX	10	10	15,600
159	KSB	Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	HOSE	50	50	17,000
160	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	HNX	10	10	28,005
161	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	HNX	10	10	23,700
162	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	HOSE	10	10	25,000
163	L14	Công ty cổ phần LICOGI 14	HNX	20	20	14,492
164	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18	HNX	10	10	21,795

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
165	LAS	Công ty cổ phần Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	30	30	20,000
166	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	HOSE	10	10	16,071
167	LCG	Công ty cổ phần LIZEN	HOSE	30	30	10,200
168	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HOSE	10	10	31,370
169	LHC	CTCP Đầu tư và xây dựng thủy lợi Lâm Đồng	HNX	10	10	57,513
170	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	HOSE	40	40	28,300
171	LIX	Công ty cổ phần Bột giặt LIX	HOSE	50	50	16,026
172	LPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt	HOSE	50	50	41,950
173	LSS	Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn	HOSE	20	20	8,580
174	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	HOSE	50	50	27,500
175	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	50	23,600
176	MCM	Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HOSE	40	40	20,721
177	MCP	CTCP In và Bao bì Mỹ Châu	HOSE	10	10	13,946
178	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	HNX	10	10	10,600
179	MHC	Công ty cổ phần MHC	HOSE	10	10	9,350
180	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	HOSE	40	40	19,800
181	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	HOSE	50	50	13,000
182	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	HOSE	50	50	38,450
183	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HOSE	50	50	80,000
184	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	HNX	40	40	16,700
185	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	HOSE	50	50	80,800
186	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	HOSE	50	50	13,050
187	NAF	Công ty cổ phần Nafoods Group	HOSE	20	20	12,757
188	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	20	20	8,300
189	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	10	10	12,857
190	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	HNX	20	20	11,400
191	NBW	CTCP Cấp nước Nhà Bè	HNX	10	10	16,779
192	NCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HOSE	10	10	27,144
193	NDN	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	20	20	10,200
194	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	HNX	10	10	24,199
195	NFC	Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	10	10	20,891
196	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	20	20	11,864
197	NHH	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	HOSE	10	10	9,930
198	NKG	Công ty Cổ phần thép Nam Kim	HOSE	10	10	13,900
199	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	50	50	28,750
200	NNC	Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	HOSE	20	20	23,935
201	NSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	20	20	73,700
202	NT2	CTCP Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	HOSE	30	30	27,900
203	NTL	CTCP phát triển đô thị Từ Liêm	HOSE	20	20	18,000
204	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	50	55,000
205	NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	HOSE	20	20	16,500
206	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	HOSE	50	50	13,000
207	OPC	công ty cổ phần dược phẩm OPC	HOSE	10	10	15,231
208	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	HOSE	10	10	13,150
209	PAC	Công ty Cổ phần pin Ác quy niêm Nam	HOSE	50	50	21,454
210	PAN	Công ty cổ phần Tập đoàn PAN	HOSE	50	50	31,750
211	PC1	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1	HOSE	30	30	29,150
212	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	HNX	10	10	18,973
213	PCH	Công ty cổ phần Picomat Holding	HNX	10	10	11,074
214	PCT	CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	HNX	10	10	10,500
215	PDN	CTCP Cảng Đồng Nai	HOSE	10	10	26,726
216	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	20	20	12,935
217	PET	Tổng công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	HOSE	40	40	40,967
218	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	HOSE	50	50	13,900

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
219	PGD	CTCP Phân phối khí Thấp áp dầu khí Việt Nam	HOSE	10	10	14,904
220	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	40	40	17,613
221	PGS	Công ty cổ phần kinh doanh Khí miền Nam	HNX	10	10	20,375
222	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	HOSE	10	10	15,909
223	PHN	Công ty cổ phần Pin Hà Nội	HNX	10	10	21,724
224	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HOSE	50	50	62,500
225	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	10	10	11,355
226	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	HOSE	10	10	8,900
227	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	HNX	30	30	23,900
228	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HOSE	50	50	41,400
229	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	10	10	10,900
230	PMC	CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	10	10	25,808
231	PMS	công ty cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	HNX	10	10	25,242
232	PNJ	Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	0	50	108,000
233	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	HOSE	50	50	15,000
234	PPC	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	30	30	10,750
235	PPP	CTCP Dược phẩm Phong Phú	HNX	10	10	15,765
236	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật điện lực dầu khí Việt Nam	HNX	10	10	11,100
237	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	HNX	10	10	10,528
238	PRE	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI	HNX	10	10	15,932
239	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	20	20	13,827
240	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	10	10	10,800
241	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	HNX	20	20	7,700
242	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	10	10	8,300
243	PTB	Công ty cổ phần Phú Tài	HOSE	50	50	48,450
244	PTI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	10	10	23,610
245	PVB	Công ty cổ phần bọc ống dầu khí Việt Nam	HNX	20	20	20,333
246	PVC	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	HNX	40	40	12,200
247	PVD	Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí	HOSE	40	40	30,000
248	PVG	Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	10	10	6,700
249	PVI	Công ty cổ phần PVI	HNX	50	50	50,000
250	PVP	Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HOSE	30	30	15,050
251	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	50	42,800
252	PVT	Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu Khí	HOSE	50	50	21,850
253	QNP	Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	HOSE	10	10	23,106
254	RAL	Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	HOSE	50	50	86,100
255	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	HOSE	50	50	70,000
256	S4A	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HOSE	10	10	14,193
257	S55	CTCP Sông Đà 505	HNX	10	10	66,000
258	S99	Công ty cổ phần SCI	HNX	20	20	9,800
259	SAB	Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	HOSE	50	50	46,000
260	SAF	CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco	HNX	10	10	14,947
261	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HOSE	20	20	6,520
262	SBA	Công ty cổ phần Sông Ba	HOSE	40	40	17,406
263	SBG	Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	HOSE	10	10	11,600
264	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công –Biên Hòa	HOSE	40	40	22,800
265	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	HNX	10	10	19,733
266	SCI	Công ty cổ phần SCI E&C	HNX	10	10	10,200
267	SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HOSE	20	20	6,400
268	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	50	50	55,000
269	SD5	Công ty cổ phần Sông Đà 5	HNX	10	10	7,600
270	SEB	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	HNX	10	10	20,808
271	SED	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	10	10	18,500
272	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HOSE	10	10	27,500

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
273	SGC	CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	10	10	68,928
274	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HOSE	40	40	40,949
275	SGR	Công ty cổ phần Tổng Công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn	HOSE	10	10	15,700
276	SGT	Công ty CP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	HOSE	10	10	15,450
277	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	HOSE	50	50	15,450
278	SHE	Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	HNX	10	10	7,000
279	SHI	Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà	HOSE	10	10	12,804
280	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam	HOSE	40	40	13,528
281	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	HNX	40	40	16,700
282	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HOSE	50	50	62,000
283	SJD	Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn	HOSE	20	20	13,950
284	SJE	Công ty cổ phần Sông Đà 11	HNX	10	10	16,600
285	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	HOSE	20	20	11,584
286	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	40	40	161,000
287	SMB	CTCP Bía Sài Gòn - Miền Trung	HOSE	10	10	21,038
288	SRC	Công ty cổ phần cao su Sao Vàng	HOSE	10	10	20,217
289	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	HOSE	50	50	17,500
290	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HOSE	10	10	28,200
291	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HOSE	50	50	30,000
292	STB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	50	61,197
293	STC	CTCP Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ chí Minh	HNX	10	10	14,100
294	SVC	CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	HOSE	10	10	18,700
295	SVT	Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HOSE	10	10	11,800
296	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	10	10	26,003
297	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	50	29,250
298	SZL	Công ty CP Sonadezi Long Thành	HOSE	10	10	24,957
299	TA9	Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	10	10	12,100
300	TAL	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	HOSE	10	10	20,272
301	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	HOSE	10	10	23,230
302	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	HOSE	50	50	36,000
303	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	30	50	18,000
304	TCL	CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	50	23,642
305	TCM	CTCP Dệt may- Đầu tư- Thương mại Thành Công	HOSE	40	40	22,950
306	TCO	CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	HOSE	10	10	11,928
307	TCT	CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	HOSE	10	10	19,700
308	TD6	Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	HNX	10	10	8,800
309	TDC	CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương	HOSE	10	10	10,950
310	TDM	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	HOSE	40	40	23,394
311	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	HOSE	20	20	12,621
312	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	HNX	10	10	7,100
313	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	10	10	30,876
314	TFC	Công ty cổ phần Trang	HNX	10	10	30,963
315	THD	Công ty cổ phần Thaiholdings	HNX	10	10	11,468
316	THG	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HOSE	10	10	25,520
317	TIG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	HNX	20	20	7,000
318	TIP	CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	HOSE	40	40	18,600
319	TLĐ	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	HOSE	20	20	8,370
320	TLG	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	50	26,435
321	TMB	Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	HNX	10	10	58,000
322	TMC	CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	10	10	8,100
323	TMP	công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	40	40	24,172
324	TMS	Công ty cổ phần TRANSIMEX	HOSE	10	10	30,900
325	TN1	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	HOSE	10	10	16,500
326	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	40	40	25,700

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
327	TOT	CTCP Transimex Logistics	HNX	10	10	15,378
328	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	HOSE	50	50	16,000
329	TPP	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	HNX	10	10	10,500
330	TRA	Công ty cổ phần Traphaco	HOSE	40	40	40,681
331	TRC	Công ty Cổ phần Cao Su Tây Ninh	HOSE	40	40	70,781
332	TTA	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	20	20	12,100
333	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	HOSE	20	20	19,817
334	TV4	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4	HNX	10	10	13,923
335	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	HNX	20	20	11,700
336	TVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	20	20	13,100
337	TVT	Tổng công ty Việt Thắng - CTCP	HOSE	10	10	15,550
338	TYA	Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam	HOSE	10	10	17,900
339	UIC	CTCP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO (UDICO-IDICO)	HOSE	10	10	60,200
340	VAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	HOSE	40	40	10,050
341	VBC	Công ty cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh	HNX	10	10	22,000
342	VC1	Công ty cổ phần Xây dựng số 1	HNX	10	10	14,900
343	VC3	Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	10	10	11,111
344	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	10	10	17,083
345	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	50	62,000
346	VCF	Công ty cổ phần Vinacafê Biên Hoà	HOSE	50	50	42,769
347	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	50	24,000
348	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	HOSE	50	50	29,000
349	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	HNX	50	50	32,079
350	VDP	CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HOSE	10	10	34,171
351	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	10	10	14,050
352	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HOSE	40	40	50,000
353	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	HOSE	50	50	46,000
354	VGS	Công ty Cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE	HNX	20	20	21,061
355	VHC	Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	HOSE	50	50	59,300
356	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	HOSE	50	50	65,000
357	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	50	18,000
358	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50	70,468
359	VIF	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần	HNX	10	10	14,512
360	VIP	Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO	HOSE	20	20	11,900
361	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	HOSE	30	30	18,000
362	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VIETJET	HOSE	50	50	110,000
363	VNC	Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	50	50	15,780
364	VND	CTCP Chứng khoán VnDirect	HOSE	50	50	15,500
365	VNF	Công ty cổ phần VINAFREIGHT	HNX	10	10	15,400
366	VNL	Công ty cổ phần Logistics Vinalink	HOSE	10	10	19,600
367	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HOSE	50	50	64,000
368	VNR	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt nam	HNX	50	50	20,800
369	VNS	công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HOSE	10	10	8,380
370	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	HOSE	50	50	27,100
371	VPD	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HOSE	10	10	15,292
372	VPI	Công ty cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	HOSE	50	50	57,500
373	VPL	Công ty Cổ phần Vinpearl	HOSE	50	50	80,000
374	VRE	Công ty cổ phần Vincom Retail	HOSE	50	50	23,928
375	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	10	10	20,000
376	VSC	Công ty cổ phần Container Việt Nam	HOSE	50	50	22,950
377	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn -Sông Hinh	HOSE	50	50	20,000
378	VSI	CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HOSE	10	10	15,527
379	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	HOSE	40	40	80,000
380	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	20	20	11,390

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay danh mục mở rộng (%)	Giá chặn (VND)
381	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	HOSE	20	20	9,950